



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TỰ LẬP**

**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 40

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính HỢP NHẤT tự lập của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị
Ông Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 16/03/2022)

##### **Ban Điều hành**

Ông Travis Richard Stewart	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/03/2021)
Ông Nguyễn Hoàng Lương	Giám đốc tài chính (Từ nhiệm ngày 26/09/2022)
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính HỢP NHẤT phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính HỢP NHẤT. Trong việc lập các báo cáo tài chính HỢP NHẤT này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính HỢP NHẤT hay không;
- Lập báo cáo tài chính HỢP NHẤT trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính HỢP NHẤT hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính HỢP NHẤT được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính HỢP NHẤT.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính HỢP NHẤT.

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính HỢP NHẤT đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính HỢP NHẤT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**



**Nguyễn Ngọc Thủy**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2,462,614,533,237</b>	<b>2,430,664,848,768</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>736,791,562,061</b>	<b>696,974,721,111</b>
1. Tiền	111		696,791,562,061	536,974,721,111
2. Các khoản tương đương tiền	112		40,000,000,000	160,000,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>100,000,000,000</b>	<b>300,000,000,000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		100,000,000,000	100,000,000,000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	200,000,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,589,850,711,176</b>	<b>1,373,582,454,085</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	45,053,814,129	67,841,877,244
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	162,893,972,228	126,901,116,909
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	99,713,769,710	305,039,669,710
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1,274,974,736,328	877,821,890,164
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(266,109,942)	(4,022,099,942)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>18,630,763,453</b>	<b>41,334,337,479</b>
1. Hàng tồn kho	141		18,630,763,453	41,334,337,479
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>17,341,496,547</b>	<b>18,773,336,093</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	15,322,731,082	18,580,488,511
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,517,343,403	123,947,953
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		501,422,062	68,899,629
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2,133,926,702,135</b>	<b>2,197,059,252,069</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>365,015,665,409</b>	<b>97,952,138,752</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	350,181,409,089	97,952,138,752
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>20</b>	<b>731,814,670,575</b>	<b>897,176,620,153</b>
1. TSCĐ hữu hình	221		331,173,804,881	445,671,479,248
- Nguyên giá	222		770,656,716,179	786,913,585,425
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(439,482,911,298)	(341,242,106,177)
2. TSCĐ vô hình	227		400,640,865,694	451,505,140,905
- Nguyên giá	228		469,030,201,538	506,731,641,142
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(68,389,335,844)	(55,226,500,237)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>36,014,238,827</b>	<b>17,515,219,330</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		36,014,238,827	17,515,219,330
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>18</b>	<b>654,714,442,217</b>	<b>592,127,476,594</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		658,000,000,000	592,013,476,594
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		239,100,000	239,100,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3,524,657,783)	(125,100,000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>346,367,685,107</b>	<b>592,287,797,240</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	92,674,279,165	281,154,374,854
2. Lợi thế thương mại	269	11	253,693,405,942	311,133,422,386
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>4,596,541,235,372</b>	<b>4,627,724,100,837</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính Hợp nhất này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3,076,095,016,124</b>	<b>3,073,261,509,818</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,762,985,530,353</b>	<b>1,662,007,613,774</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	195,881,888,237	144,106,554,147
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	113,431,522,659	67,825,091,826
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		166,227,002,809	185,034,370,683
4. Phải trả người lao động	314		58,627,360,796	55,497,195,590
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	332,486,044,104	260,347,337,044
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	101,945,146,958	195,583,320,522
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	154,694,948,657	133,580,887,810
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	616,984,299,866	620,032,856,152
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1,313,109,485,771</b>	<b>1,411,253,896,044</b>
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	14	-	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	16	7,787,110,914	22,115,080,946
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	1,298,459,284,792	1,382,275,725,033
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		6,863,090,065	6,863,090,065
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,520,446,219,248</b>	<b>1,554,462,591,019</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>1,520,446,219,248</b>	<b>1,554,462,591,019</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		831,506,610,000	831,506,610,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		831,506,610,000	831,506,610,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15,335,740,000	15,335,740,000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32,105,088,150	71,005,198,301
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		81,908,245,270	2,358,204,908
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(49,803,157,120)	68,646,993,393
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		641,498,781,098	636,615,042,718
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>4,596,541,235,372</b>	<b>4,627,724,100,837</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Người lập biểu



**Nguyễn Thị Hải**

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng



**Nguyễn Mạnh Phú**

Chủ tịch Hội đồng quản trị



**Nguyễn Ngọc Thủy**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 31/12/2022

Đơn vị: VND

Mã	Tên	Kỳ này	Kỳ trước	Lũy kế kỳ này	Lũy kế kỳ trước
<b>10</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>(45,537,182,277)</b>	<b>352,324,205,908</b>	<b>1,335,974,940,915</b>	<b>1,733,836,329,100</b>
20	Các khoản giảm trừ doanh thu	-		-	
<b>100</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>(45,537,182,277)</b>	<b>352,324,205,908</b>	<b>1,335,974,940,915</b>	<b>1,733,836,329,100</b>
110	Giá vốn hàng bán	(81,489,095,731)	247,046,191,751	927,853,603,184	1,255,912,077,327
<b>200</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>35,951,913,454</b>	<b>105,278,014,157</b>	<b>408,121,337,731</b>	<b>477,924,251,773</b>
210	Doanh thu hoạt động tài chính	(41,547,133,810)	170,258,390,695	107,897,614,862	319,703,675,069
220	Chi phí tài chính	89,591,204,584	44,518,024,461	203,754,333,838	158,284,348,584
230	Trong đó: Chi phí lãi vay	34,837,926,240		161,407,738,173	153,805,102,558
240	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	130,306,252	2,142,068,686	-	2,013,476,594
250	Chi phí bán hàng	(84,589,734,204)	64,624,295,434	161,077,570,709	310,688,405,462
260	Chi phí quản lý doanh nghiệp	80,662,603,418	45,341,108,246	199,961,357,215	165,142,078,045
<b>300</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(91,128,987,902)</b>	<b>123,195,045,397</b>	<b>(48,774,309,169)</b>	<b>165,526,571,345</b>
310	Thu nhập khác	2,123,653,780	(107,649,351)	4,346,534,007	2,115,230,876
320	Chi phí khác	21,889,715,223	4,797,267,756	32,175,477,485	15,083,030,018
<b>400</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(19,766,061,443)</b>	<b>(4,904,917,107)</b>	<b>(27,828,943,478)</b>	<b>(12,967,799,142)</b>
<b>500</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(110,895,049,345)</b>	<b>118,290,128,290</b>	<b>(76,603,252,647)</b>	<b>152,558,772,203</b>
510	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(18,278,478,319)	27,819,081,218	4,788,344,525	50,718,726,169
520	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	223,201,602	3,109,156,191	-	6,179,736,239
<b>600</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(92,839,772,628)</b>	<b>87,361,890,881</b>	<b>(81,391,597,172)</b>	<b>95,660,309,795</b>
610	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(102,913,075,549)		(86,803,255,527)	112,265,496,006
620	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	10,103,079,724		5,411,658,355	(16,605,186,211)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Phú

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Ngọc Thủy

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 31/12/2022

Đơn vị: VND

Mã	Tên	Lũy kế kì này	Lũy kế kì trước
10	Lợi nhuận trước thuế	(76,603,252,647)	152,558,772,203
20	Khấu hao TSCĐ	168,843,657,172	196,002,400,725
30	Các khoản dự phòng	(356,432,217)	3,921,999,942
50	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(350,000,000)	322,061,568,746
60	Chi phí Lãi vay		153,805,102,558
<b>80</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>91,533,972,308</b>	<b>184,226,706,682</b>
90	Tăng, giảm Các khoản phải thu	(664,412,826,588)	(64,385,925,117)
100	Tăng, giảm hàng tồn kho	22,703,574,026	11,304,723,747
	Tăng, giảm Các khoản phải trả (Không kể Lãi vay phải trả, thuế thu		
110	nhập doanh nghiệp phải nộp)	44,972,996,330	253,512,648,299
120	Tăng, giảm Chi phí trả trước	191,737,853,118	162,790,237,231
130	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	(100,000,000,000)	(100,000,000,000)
140	Tiền Lãi vay đã trả		(135,306,097,065)
150	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(30,947,462,364)	(30,108,514,969)
<b>200</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(444,411,893,170)</b>	<b>282,033,778,808</b>
210	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(34,204,038,703)
220	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	38,399,383,293	620,706,941
230	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	188,960,900,000	(451,514,669,710)
240	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	16,365,000,000	16,365,000,000
250	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(65,986,523,406)	590,000,000,000
260	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	39,300,000,000	272,760,000,000
270	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	52,624,406,884	46,667,385,211
<b>300</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>269,663,166,771</b>	<b>(739,305,616,261)</b>
330	Tiền thu từ đi vay	965,799,942,201	1,706,607,291,337
340	Tiền trả nợ gốc vay	(751,234,374,852)	(786,701,813,376)
<b>400</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>214,565,567,349</b>	<b>950,850,477,961</b>
<b>500</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>39,816,840,950</b>	<b>493,578,640,508</b>
600	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	696,974,721,111	203,396,080,603
610	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
<b>700</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>736,791,562,061</b>	<b>696,974,721,111</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú

Nguyễn Ngọc Thủy

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần thứ 13 ngày 23/09/2021 với vốn điều lệ của Công ty là 831.506.610.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: Tư vấn du học; Tư vấn giáo dục; Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; Dịch vụ kiểm tra giáo dục; Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống);
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khóa học dành cho học sinh yếu kém; Các khóa dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính HỢP NHẤT**

Không có hoạt động nào đặc biệt nào của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính HỢP NHẤT.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 03 công ty con là:

- Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 66,36%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Cấu trúc doanh nghiệp**

- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51,2%.
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia với tỷ lệ sở hữu là 99,35% và tỷ lệ quyền biểu quyết là 51%.

Đến thời điểm 31/12/2022, Công ty chi đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng giáo dục Apax có trụ sở chính tại số 12 ngách 1, ngõ 111 Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty này là kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo giữa niên độ, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết là 33,33%, tỷ lệ quyền biểu quyết và lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính HỢP NHẤT.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính HỢP NHẤT.

Báo cáo tài chính HỢP NHẤT kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****Cơ sở lập báo cáo tài chính HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính HỢP NHẤT được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính HỢP NHẤT kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính HỢP NHẤT.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính HỢP NHẤT tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính HỢP NHẤT yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính HỢP NHẤT cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính HỢP NHẤT. Ban Điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) *Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) *Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

- c) *Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết****Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán HỢP NHẤT theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao***

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

***Nợ phải trả***

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

***Chi phí trả trước***

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh HỢP NHẤT, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Trái phiếu phát hành**

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ;
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán HỢP NHẤT của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán HỢP NHẤT; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ghi nhận giá vốn**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Hoạt động kinh doanh: Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn xúc tiến thương mại và giới thiệu khách hàng do Công ty thực hiện trực tiếp, theo đó giá vốn của các hoạt động này chủ yếu là chi phí nhân công trực tiếp; Chi phí nhân công trực tiếp được xác định bằng 60% tổng chi phí tiền lương của toàn Công ty theo Quyết định số 05-01/2017/QĐ-TGD ngày 05/01/2017 của Tổng Giám đốc Công ty. Giá vốn được ghi nhận tương ứng với doanh thu khi dịch vụ tư vấn đã hoàn thành thành, chuyển giao cho đối tác.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh HỢP NHẤT khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh HỢP NHẤT vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính HỢP NHẤT và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh HỢP NHẤT và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Chủ sở hữu 59,76% vốn điều lệ của Công ty;
- Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten: Công ty con của Công ty;
- Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia: Công ty con của Công ty;
- Các công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup: Cùng chủ sở hữu;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty.

**4. TIỀN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>696,791,562,061</b>	<b>536,974,721,111</b>
Tiền mặt (i)	689,196,405,062	132,663,842,380
Tiền gửi ngân hàng (ii)	7,588,156,999	403,940,748,731
Tiền đang chuyển (iii)	7,000,000	370,130,000
<b>Các khoản tương đương tiền (iv)</b>	<b>40,000,000,000</b>	<b>160,000,000,000</b>
<b>Cộng</b>	<b>736,791,562,061</b>	<b>696,974,721,111</b>

(i) Là số dư tiền mặt tại Văn phòng công ty mẹ, văn phòng các công ty con, các Trường mầm non của Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục Igarten và các trung tâm Anh ngữ Apax tại ngày 31/12/2022

(ii) Là khoản tiền gửi có thể rút ra bất cứ thời điểm nào và hưởng lãi suất không kỳ hạn

(iii) Tiền đang chuyển là tiền đang chuyển giữa các ngân hàng và tiền học viên thanh toán qua thẻ ngân hàng nhưng tiền chưa chuyển về tài khoản Công ty

(iv) Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu của khách hàng tiền học phí	23,703,491,480	-	28,441,395,167	-
Nguyễn Vĩnh Hạnh	-	-	12,500,000,000	(2,256,000,000)
Đào Thị Tâm	-	-	9,500,000,000	(1,500,000,000)
Văn Kim Thanh	1,284,000,000	-	-	-
Phạm Thị Thanh	6,598,000,000	-	-	-
Công ty CP công nghệ giáo dục OMNI SCHOOL	-	-	5,562,000,000	-
Công ty cổ phần thiết bị Eschool	1,050,000,000	-	-	-
Các đối tượng khác	12,418,312,649	(266,099,942)	11,838,482,077	(266,099,942)
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>				
<b>Cộng</b>	<b>45,053,804,129</b>	<b>(266,099,942)</b>	<b>67,841,877,244</b>	<b>(4,022,099,942)</b>

c) *Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công ty CP Tư vấn thiết kế hạ tầng cơ sở	7,391,144,216	17,991,144,216
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ HN	1,067,416,039	9,598,126,812
Visang Education Inc	-	294,213,328
Công ty TNHH Thương Mại Và PCCC Vạn Tường	680,000,000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Việt Quốc	1,323,248,152	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn giáo dục Egroup	37,657,180,186	35,000,519,085
Công ty Cổ Phần Phần mềm FIT	46,000,000,000	30,000,000,000
Cty TNHH Dịch vụ bảo vệ ca Thăng Long	15,157,757,622	9,292,271,055
Công ty cổ phần tập đoàn hạ tầng giáo dục	4,717,050,000	-
Lad Capital	-	-
Các đối tượng khác	48,900,176,013	24,724,842,413
Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán, kế toán và tư vấn thuế AAT	83,000,000	
Công ty TNHH kiểm toán TTP	205,200,000	
Công ty TNHH Tổ chức sự kiện Đại Lâm	90,000,000	
Công ty cổ phần thẩm định giá Thế kỷ - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	110,000,000	
Công ty cổ phần chứng khoán Stanley Brothers	148,000,000	
<b>Cộng</b>	<b>162,893,972,228</b>	<b>126,901,116,909</b>

b) *Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>99,713,769,710</b>	<b>-</b>	<b>305,039,669,710</b>	<b>-</b>
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Schoolbus (1)	4,750,000,000	-	4,750,000,000	-
Hoàng Hồng Trung (2)	-	-	24,635,000,000	-
Trương Thị Kim Oanh (3)	-	-	12,000,000,000	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ HN (4)	-	-	9,300,000,000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup (5)	43,703,769,710	-	43,703,769,710	-
Công ty CP English Now Global	45,580,000,000	-	-	-
Các đối tượng khác (6)	5,680,000,000	-	210,650,900,000	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>99,713,769,710</b>	<b>-</b>	<b>305,039,669,710</b>	<b>-</b>

(1) Hợp đồng vay số 0111/2020 ngày 01/11/2020 với công ty TNHH Thương mại Vận tải Schoolbus và Phụ lục gia hạn Hợp đồng vay số 0111/2021/PLHD ngày 01/11/2021 gia hạn thêm 01 năm kể từ ngày 02/11/2021 đến ngày 02/11/2022, số tiền vay 5.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân (giải ngân theo từng đợt), lãi suất 8,5%/năm, toàn bộ số tiền vay và tiền lãi suất được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết hạn, mục đích vay là phục vụ hoạt động kinh doanh.

(2) Hợp đồng cho vay số 11-2020/HĐV/EN-KO ngày 17/12/2020, phụ lục gia hạn số 2012/2021/PLHD ngày 20/12/2021 gia hạn thời gian cho vay là 12 tháng với số tiền cho vay là 32 tỷ đồng, lãi suất bằng với lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam tại thời điểm cho vay. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

(3) Hợp đồng cho vay số 12-2020/HĐV/EN-HT ngày 20/12/2020, phụ lục gia hạn số 1712/2021/PLHD ngày 17/12/2021 gia hạn thời gian cho vay là 12 tháng với số tiền cho vay là 12 tỷ đồng, lãi suất bằng với lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam tại thời điểm cho vay. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

(4) Theo biên bản thỏa thuận vay vốn số 0102/TT/RN-HN ngày 31/01/2020 với số tiền cho vay là 18,3 tỷ đồng, lãi suất 12%, thời hạn cho vay 12 tháng. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

(5) Hợp đồng cho vay số 0101/2021/AE-AG ngày 01/01/2021 và Phụ lục gia hạn Hợp đồng vay số 3112/2021/PLHD ngày 31/12/2021 với Công ty Cổ phần Tập đoàn giáo dục Egroup gia hạn thêm 01 năm kể từ ngày 01/01/2022 đến ngày 01/01/2023. Số tiền vay 45.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 01/01/2021, lãi suất 8,5%/năm, số tiền vay và lãi vay được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết hạn hợp đồng, mục đích vay là phục vụ hoạt động đầu tư kinh doanh.

(6) Các khoản cho vay cá nhân có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 12%/năm và 13%/năm.

**c) Phải thu về cho vay là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1,274,974,736,328</b>	<b>-</b>	<b>877,821,890,164</b>	<b>-</b>
Tạm ứng	50,304,400	-	13,782,893,794	-
Các đối tượng khác	50,304,400	-	13,782,893,794	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	1,183,124,893,355	-	800,411,983,814	-
Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (1)	-	-	4,800,000,000	-
Công ty TNHH MTV Nam Phong (2)	423,400,000,000	-	473,400,000,000	-
Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam (3)	25,436,107,564	-	75,852,789,350	-
Nguyễn Ngọc Thùy (4)	-	-	-	-
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng công trình TCT (5)	20,167,535,791	-	30,000,000,000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng giáo dục Apax (6)	49,500,000,000	-	49,500,000,000	-
Công ty Cổ Phần Trái Nghiệm Lưu Quang Thịnh (7)	598,040,000,000	-	-	-
Các đối tượng khác	66,268,000,000	-	66,268,000,000	-
Phải thu khác	313,250,000	-	100,591,194,464	-
Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư FPT	91,799,538,573	-	61,474,418,108	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải SchoolBus (8)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị giáo dục Eschool (9)	-	-	840,700,000	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ HN	31,656,440,000	-	30,529,800,000	-
Lãi cho vay cá nhân	-	-	-	-
Các đối tượng khác	-	-	-	-
Dự nợ phải trả khác	60,143,098,573	-	30,103,918,108	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>350,181,409,089</b>	<b>-</b>	<b>97,952,138,752</b>	<b>-</b>
Tạm ứng	1,976,377,695	-	-	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	348,205,031,394	-	97,952,138,752	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn giáo dục Egrou (10)	24,947,427,771	-	25,472,427,771	-
Công ty Cổ phần Nam Hải	2,100,000,000	-	2,100,000,000	-
Đặt cọc thuê mặt bằng (11)	-	-	68,692,565,039	-
CTCP trải nghiệm giáo dục	200,000,000,000	-	-	-
Công ty CP thiết bị Giáo dục Eschool	32,184,277,000	-	-	-
Các đối tượng khác	88,973,326,623	-	1,687,145,942	-
<b>Cộng</b>	<b>1,625,156,145,417</b>	<b>-</b>	<b>975,774,028,916</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

(1) Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng dùng để đảm bảo khoản vay ngân hàng như tại Thuyết minh V.19 - Vay và nợ thuê tài chính.

(2) Khoản đặt cọc theo hợp đồng đặt cọc số 102020/HDDC/AE-NP ngày 02/10/2020 về việc cùng hợp tác xây dựng, khai thác và phát triển Dự án Khu nhà ở và dịch vụ đa năng Vũng Áng tại địa chỉ khu kinh tế Vũng Áng, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, thời gian của khoản đặt cọc là 450 ngày. Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHD/AE-NP ngày 01/10/2021 gia hạn khoản đặt cọc đến 31/12/2022.

(3) Giá trị đặt cọc theo Thỏa thuận hợp tác số 50/2019/TTHT/TG-APAX ngày 10/06/2019 về việc nhận chuyển nhượng "Phần dự án trường học" trên khu đất thực hiện dự án: Tổ hợp công trình hỗn hợp thương mại dịch vụ, văn phòng, nhà ở, nhà trẻ và trường học của Công ty CP Terra Gold Việt Nam. Chủ đầu tư là Công ty CP Terra Gold Việt Nam tại khu đất số 423 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy. Theo đó, thỏa thuận này được thiết lập cho mục đích ký hợp đồng chuyển nhượng "Phần dự án trường học" trên khu đất thuộc dự án của Terra Gold sang cho Bên nhận chuyển nhượng phù hợp do Công ty CP Đầu tư Apax Holdings chỉ định. Việc thực hiện thỏa thuận được thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 0608/2019/QĐ-HĐQT ngày 06/08/2019. Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 07/2021/TTSDBS/TG-APAX ngày 09/03/2021. Trong vòng 03 năm kể từ ngày ký thỏa thuận hai bên sẽ thực hiện thủ tục chuyển nhượng "Phần dự án trường học". Thỏa thuận bổ sung số 10/2021/TTSDBS/TG-APAX ngày 02/07/2021.

(4) Là khoản đặt cọc và lãi đặt cọc mua cổ phần của Công ty CP Anh ngữ Apax theo thỏa thuận chuyển nhượng ngày 02/01/2020. Khoản này đã được tất toán trong năm.

(5) Đặt cọc tại ngày 31/12/2019 cho Công ty CP Tư vấn đầu tư và Xây dựng công trình TCT theo hợp đồng số HDNT 01/2018 và Phụ lục tháng 12/2019 về việc thi công thiết kế nội thất cho 12 điểm trường mầm non của Công ty, tổng mức đầu tư của dự án là 108 tỷ đồng, thời gian thực hiện đến ngày 31/12/2020.

(6) Khoản đặt cọc theo Thỏa thuận hợp tác chiến lược với Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng giáo dục Apax để tìm kiếm các mặt bằng cho Công ty CP Phát triển giáo dục Igarten mở rộng mô hình kinh doanh theo chiến lược phát triển mạng lưới của Công ty CP Phát triển giáo dục Igarten. Thời hạn hợp tác từ ngày 01/11/2021 đến ngày 31/10/2022.

(7) Là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 0112/2020/HDDC ngày 01/12/2020 về việc mua lại phần vốn góp tại Công ty TNHH Phát triển giáo dục Việt Linh giữa Công ty CP Trường liên cấp Firbank (Bên A) và Bà Bùi Thị Dương cùng Ông Vũ Nguyên Long (Bên B). Theo thỏa thuận bên A đặt cọc cho bên B qua tài khoản cá nhân Nguyễn Duy Nhâm với giá trị là 60 tỷ đồng trong vòng 3 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng này. Theo văn bản thỏa thuận ba bên căn cứ hợp đồng đặt cọc số 0112/2020/HDDC ngày 01/12/2020 giữa Bà Bùi Thị Dương, Ông Vũ Nguyên Long và Công ty CP Trường liên cấp Firbank Australia ngày 25/01/2021 về điều chỉnh chủ thể ký hợp đồng đặt cọc và xử lý khoản đặt cọc của Hợp đồng đặt cọc số 0112/2020/HDDC ngày 01/12/2020. Theo đó, toàn bộ số tiền đặt cọc được chuyển sang tên cho Ông Lưu Quang Thịnh theo Hợp đồng đặt mua cổ phần số 0502/2021/HDDMCP ngày 05/02/2021 về việc chuyển nhượng cổ phần phổ thông của Công ty CP Phát triển Giáo dục Việt Linh.

(8) Là khoản phải thu Công ty TNHH Thương mại Vận tải SchoolBus theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 31.12/2020/HĐCN-English Now ngày 31/12/2020 về việc Công ty CP Đầu tư Apax Holdings bán một phần vốn chủ sở hữu tại Công ty CP English Now Global.

(9) Khoản tiền góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKDCHXD/2020 ngày 15/11/2020 với Công ty Cổ phần Thiết bị giáo dục Eschool để thực hiện hợp tác xây dựng, vận hành kinh doanh chuỗi trung tâm trải nghiệm Academy trên địa bàn thành phố Hà Nội. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 05 năm kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

(10) Khoản ký cược, ký quỹ dài hạn theo hợp đồng thuê các điểm trường mầm non cho Công ty Cổ phần Tập đoàn giáo dục Egroup.

(11) Phần lớn là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn theo các hợp đồng thuê địa điểm tại các trung tâm.

c) **Phải thu khác là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	2,490,345,478	-
Công cụ, dụng cụ	17,163,061,136	-	20,254,316,455	-
Hàng hoá (*)	1,467,702,317	-	1,857,465,546	-
Hàng gửi đi bán	-	-	16,732,210,000	-
<b>Cộng</b>	<b>18,630,763,453</b>	<b>-</b>	<b>41,334,337,479</b>	<b>-</b>

(\*) Do Công ty CP Phát triển giáo dục Igarten thay đổi mục đích sử dụng tài sản nên chuyển từ hàng hóa BĐS sẵn sàng để bán sang tài sản cố định trị giá 35.438.789.210 đồng (trong đó TSCĐ hữu hình là 2.552.258.150 đồng và TSCĐ vô hình là 32.916.531.060 đồng) căn cứ vào biên bản họp Hội đồng quản trị số 07/2021/BB-HĐQT ngày 14/15/2021 và Quyết định của Hội đồng Quản trị số 2803/2021/QĐ-HĐQT ngày 25/03/2021 về việc thu hồi chủ trương chuyển nhượng tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>15,322,731,082</b>	<b>18,580,488,511</b>
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh	4,875,868,547	12,109,210,913
Chi phí bảo hiểm	86,793,461	-
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	277,010,290	22,676,149
Chi phí chăm sóc khách hàng	1,645,000,000	2,475,000,000
Chi phí trả trước khác	8,419,719,132	3,973,601,449
Chi phí thuê nha khoa	-	-
Phí bản quyền email	18,339,651	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>92,674,279,165</b>	<b>281,154,374,854</b>
Chi phí thiết lập cơ sở vật chất các trung tâm dự án Apax Leader (1)	37,445,891,581	129,398,250,872
Chi phí triển khai chương trình 7 habits of highly effective (2)	7,812,250,529	31,809,844,246
Chương trình Apax Online (3)	4,929,820,507	14,596,536,968
Chi phí thuê địa điểm kinh doanh trả trước	33,359,312,037	70,256,680,000
Chương trình Englisheye	-	4,493,659,440
Chi phí mua bán quyền phần mềm	7,685,050	2,501,613
Chi phí thành lập doanh nghiệp chờ phân bổ	-	1,935,115,331
Chi phí đầu tư tại các trường mầm non	5,207,738,954	10,432,942,420
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1,426,668,271	350,382,184
Chi phí thi công nội thất các trung tâm	533,257,992	13,951,969,895
Chi phí thuê nha khoa	-	1,233,333,324
Chi phí trả trước khác	1,423,876,466	2,693,158,561
Chi phí môi giới trái phiếu	527,777,779	-
<b>Cộng</b>	<b>107,997,010,247</b>	<b>299,734,863,365</b>

(1) Chi phí thiết lập cơ sở vật chất của các trung tâm Apax Leader đã đi vào hoạt động.

(2) Các khoản chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai chương trình 7 habits of highly effective.

(3) Các khoản chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai chương trình đào tạo tiếng anh online.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>311,133,422,386</b>	<b>368,573,438,830</b>
Tăng trong năm	-	-
Phân bổ vào chi phí trong năm	(57,440,016,444)	(57,440,016,444)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>253,693,405,942</b>	<b>311,133,422,386</b>

Lợi thế thương mại phát sinh do mua công ty con - Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax.

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Chi phí phát triển dự án các điểm trường	-	2,709,113,051
Dự án Trường liên cấp Firbank Australia	36,014,238,827	14,806,106,279
Dự án Co-Learning	-	-
Các dự án khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>36,014,238,827</b>	<b>17,515,219,330</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Chungdahm Learning, Inc	16,989,331,840	16,989,331,840	16,989,331,840	16,989,331,840
Công ty TNHH TM & sản xuất	1,431,440,768	1,431,440,768		
Công ty cổ phần tập đoàn hạ	4,666,614,922	4,666,614,922		
CN CTY TNHH KONICA	3,464,835,359	3,464,835,359		
CN CTY TNHH KONICA MINOLTA BUSINESS	-	-		
Công ty TNHH Dịch Vụ và DL Quốc Tế Á Châu	2,526,864,160	2,526,864,160		
Công ty CP Đầu Tư IMG				
Chi nhánh tại tỉnh Hà Tĩnh - Công ty TNHH Vincom Retail	3,443,934,784	3,443,934,784		
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Bộ Ba	-	-	120,657,098	120,657,098
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng công trình TCT	8,283,000,000	8,283,000,000	10,514,859,914	10,514,859,914
Công ty TNHH Thực phẩm Phú Thiên Tân	2,135,100,556	2,135,100,556		
Công ty cổ phần Vicad tư vấn đầu tư và thiết kế	289,680,829	289,680,829	-	-
Công ty TNHH Thực phẩm Hà Nội Xanh	3,149,588,580	3,149,588,580		
Công ty Cổ phần phần mềm FIT	-	-		
Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư Ecapital	-	-	13,550,516,100	13,550,516,100
Công ty TNHH KPMG	1,384,748,200	1,384,748,200	1,384,748,200	1,384,748,200
Công ty Cổ phần Đầu tư EduLand	851,350,400	851,350,400	367,327,200	367,327,200
Công ty CP anh ngữ Apax Academy	-	-		
Công ty TNHH Kiến tạo và kiệt tác	598,569,086	598,569,086	-	-
Các đối tượng khác	146,666,828,753	146,666,828,753	101,179,113,795	101,179,113,795
<b>Cộng</b>	<b>195,881,888,237</b>	<b>195,881,888,237</b>	<b>144,106,554,147</b>	<b>144,106,554,147</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>113,431,522,659</b>	<b>67,825,091,826</b>
Người mua trả tiền trước tại các trung tâm:		
Học sinh trả trước tiền học phí	69,475,962,595	67,825,091,826
Công ty Cổ phần FISOM	481,370,000	
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Phú An	368,500,000	
Trường Mầm non LALALAND	200,000,000	
Các đối tượng khác	42,905,690,064	
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
Các đối tượng khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>113,431,522,659</b>	<b>67,825,091,826</b>

(\*) Khoản người mua trả tiền trước phản ánh số tiền thu được của học sinh sau khi ký kết hợp đồng nhưng chưa đúng thời hạn học.

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Trích trước chi phí thi công nội thất các trung tâm (1)	-	15,739,136,636
Trích trước chi phí ghi danh học sinh (2)	91,746,306,792	64,987,070,658
Trích trước chi phí lương, thưởng	-	11,062,047,323
Trích trước chi phí thuê địa điểm kinh doanh	82,272,159,014	70,329,360,442
Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	47,282,125,054	16,359,964,396
Trích trước chi phí học liệu	1,940,311,241	
Trích trước chi phí tài sản cố định phải trả	19,549,756,244	24,952,756,244
Trích trước chi phí khác	89,695,385,759	59,343,903,839
<b>Cộng</b>	<b>332,486,044,104</b>	<b>262,774,239,538</b>

(1) Là giá trị tài sản ghi nhận hoàn thành đưa vào sử dụng tạm tăng tại các trung tâm

(2) Khoản trích trước thể hiện giá trị tiền bản quyền phải trả cho nhà cung cấp theo điều khoản của hợp đồng.

**16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>101,945,146,958</b>	<b>195,583,320,522</b>
Tiền học phí thu trước	101,945,146,958	195,583,320,522
<b>b) Dài hạn</b>	<b>7,787,110,914</b>	<b>22,115,080,946</b>
Tiền học phí thu trước	7,787,110,914	22,115,080,946
<b>Cộng</b>	<b>109,732,257,872</b>	<b>217,698,401,468</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>154,694,948,657</b>	<b>133,580,887,810</b>
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	90,513,330,514	88,411,588,944
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	228,010,000	228,030,000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	63,953,608,143	44,941,268,866
<i>Công ty cổ phần Anh ngữ Apax Academy (1)</i>	-	18,157,211,689
<i>Công ty cổ phần Anh ngữ Apax Speedy (1)</i>	-	2,142,494,497
<i>Công ty cổ phần Anh ngữ Apax English</i>	15,343,437,718	
<i>Chungdahm Learning, Inc (2)</i>	-	
<i>Các đối tượng khác</i>	48,610,170,425	24,641,562,680
<b>Cộng</b>	<b>154,694,948,657</b>	<b>133,580,887,810</b>

(1) Khoản phải trả do thu hộ tiền hàng hóa bán cho các Công ty cùng Tập đoàn

(2) Là khoản cổ tức còn phải trả cho cổ đông

**b) Phải trả khác là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Điều chỉnh lũy kế	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Điều chỉnh lũy kế	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>						
Công ty Cổ phần Giáo dục tư duy và Sáng tạo CMS (i)	200,000,000,000	(3,144,528,525)	196,855,471,475	200,000,000,000	(3,144,528,525)	196,855,471,475
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng giáo dục Apax (ii)	130,000,000,000		130,000,000,000	190,000,000,000	5,158,005,119	195,158,005,119
Công ty CP Hạ tầng Trường liên cấp STEAME (iii)	200,000,000,000	(255,029,258)	199,744,970,742	200,000,000,000	-	200,000,000,000
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Đại Dương	128,000,000,000					
Công ty Cổ phần Studynet (iv)			-	1,960,000,000	(1,960,000,000)	-
<b>Cộng</b>	<b>658,000,000,000</b>	<b>(3,399,557,783)</b>	<b>526,600,442,217</b>	<b>591,960,000,000</b>	<b>53,476,594</b>	<b>592,013,476,594</b>
	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi số	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi số
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (v)</b>						
Công ty Cổ phần Xi măng X18	125,100,000	(125,100,000)	-	125,100,000	(125,100,000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114,000,000	-	114,000,000	114,000,000	-	114,000,000
<b>Cộng</b>	<b>239,100,000</b>	<b>(125,100,000)</b>	<b>114,000,000</b>	<b>239,100,000</b>	<b>(125,100,000)</b>	<b>114,000,000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

b) Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2022 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	58.866.076	66,36%	66,36%	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục lgarten	Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội	25.600.000	51,19%	51,19%	Giáo dục mầm non
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	10.146.200	51,00%	51,00%	Giáo dục tiểu học

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,  
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất theo

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2021	815,897,350,000	15,335,740,000	71,005,198,301	902,238,288,301
Lãi trong năm trước	-	-	6,095,508,628	6,095,508,628
Tăng khác (i)	-	-	-	-
Giảm khác (i)	-	-	9,513,751,372	9,513,751,372
Số dư ngày 31/12/2021	815,897,350,000	15,335,740,000	86,614,458,301	917,847,548,301
Tăng vốn trong năm	15,609,260,000	-	-	15,609,260,000
Lãi trong năm	-	-	(49,803,157,120)	(49,803,157,120)
Giảm khác (ii)	-	-	(4,706,213,031)	(4,706,213,031)
Số dư ngày 31/12/2022	831,506,610,000	15,335,740,000	32,105,088,150	878,947,438,150

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn giáo dục Egroup	486,926,990,000	496,899,990,000
Các đối tượng khác	344,579,620,000	334,606,620,000
<b>Cộng</b>	<b>831,506,610,000</b>	<b>831,506,610,000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	831,506,610,000	831,506,610,000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	831,506,610,000	831,506,610,000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83,150,661	83,150,661
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	83,150,661	83,150,661
Cổ phiếu phổ thông	83,150,661	83,150,661
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83,150,661	83,150,661
Cổ phiếu phổ thông	83,150,661	83,150,661
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất theo

## 20. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư ngày 01/01/2022	762,613,975,829	12,706,634,455	7,248,081,035	4,344,894,106	786,913,585,425
Mua trong năm	9,464,393,917	-	-	32,945,455	9,497,339,372
Tặng khác	1,401,407,800	18,091,667	-	-	1,419,499,467
Thanh lý, nhượng bán	(14,113,893,950)	-	(802,350,909)	-	(14,916,244,859)
Giảm khác (ii)	(10,856,055,426)	-	-	(1,401,407,800)	(12,257,463,226)
Số dư ngày 31/12/2022	748,509,828,170	12,724,726,122	6,445,730,126	2,976,431,761	770,656,716,179
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư ngày 01/01/2022	323,976,020,016	11,689,278,600	2,594,582,208	2,982,225,353	341,242,106,177
Khấu hao trong năm	110,343,362,844	820,991,632	702,750,774	842,873,124	112,709,978,374
Tặng khác (**)	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(8,500,275,767)	-	-	(911,306,279)	(9,411,582,046)
Giảm khác (*)	(4,602,925,717)	-	(454,665,490)	-	(5,057,591,207)
Phân loại lại khấu hao giữa các nhóm tài sản	-	-	-	-	-
Chuyển sang hàng hóa BĐS (***)	-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2022	421,216,181,376	12,510,270,232	2,842,667,492	2,913,792,198	439,482,911,298
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày 01/01/2022	438,637,955,813	1,017,355,855	4,653,498,827	1,362,668,753	445,671,479,248
Số dư ngày 31/12/2022	327,293,646,794	214,455,890	3,603,062,634	62,639,563	331,173,804,881

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất theo*

**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	31/12/2022		Trong kỳ			01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) <b>Ngắn hạn</b>	616,984,299,866	616,984,299,866	697,512,654,930	700,561,211,216	620,032,856,152	620,032,856,152	
a1) <i>Vay ngắn hạn</i>	613,372,496,566	613,372,496,566	697,400,851,630	627,781,594,801	543,753,239,737	543,753,239,737	
Công ty Cổ phần Studynet (1)	-	-	-	2,800,000,000	2,800,000,000	2,800,000,000	
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (2)	2,072,412,466	2,072,412,466	2,072,412,466	4,500,000,000	4,500,000,000	4,500,000,000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (3)	558,017,858,681	558,017,858,681	581,393,672,462	516,767,609,933	493,391,796,152	493,391,796,152	
Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội Thành phố Hà Nội (4)	-	-	-	9,731,000,000	9,731,000,000	9,731,000,000	
Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch Quận Tân Bình và Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (5)	-	-	-	1,882,920,000	1,882,920,000	1,882,920,000	
Ngân hàng chính sách xã hội quận Ba Đình (6)	-	-	-	7,838,250,000	7,838,250,000	7,838,250,000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Sao Kim (7)	5,669,148,719	5,669,148,719	-	-	5,669,148,719	5,669,148,719	
Công ty CP Đầu tư Eduland	150,000,000	150,000,000	-	-	150,000,000	150,000,000	
Vũ Cẩm La Hương	990,100,000	990,100,000	-	385,000,000	1,375,100,000	1,375,100,000	
Bà Trương Thị Tâm	6,319,700,000	6,319,700,000	-	744,300,000	7,064,000,000	7,064,000,000	
Bà Nguyễn Thanh Mai	-	-	2,000,000,000	2,000,000,000	-	-	
Bà Nguyễn Thị Hải	-	-	60,743,490,000	60,743,490,000	-	-	
Bà Phùng Thị Thu Hiền	13,199,780,000	13,199,780,000	24,388,780,000	11,189,000,000	-	-	
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	14,290,000,000	14,290,000,000	14,290,000,000	-	-	-	
Các đối tượng khác	12,663,496,700	12,663,496,700	12,512,496,702	9,200,024,868	9,351,024,866	9,351,024,866	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất theo

	Trong kỳ				Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022	01/01/2022				
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a2) Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>3,611,803,300</b>	<b>3,611,803,300</b>	<b>111,803,300</b>	<b>72,779,616,415</b>	<b>76,279,616,415</b>	<b>76,279,616,415</b>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	111,803,300	111,803,300	111,803,300	-	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (8)	-	-	-	5,488,844,927	5,488,844,927	5,488,844,927
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (9)	-	-	-	67,290,771,488	67,290,771,488	67,290,771,488
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh HCM (10)	3,500,000,000	3,500,000,000	-	3,500,000,000	3,500,000,000	3,500,000,000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>167,541,643,007</b>	<b>167,541,643,007</b>	<b>23,249,663,796</b>	<b>108,352,131,824</b>	<b>252,644,111,035</b>	<b>252,644,111,035</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>167,541,643,007</b>	<b>167,541,643,007</b>	<b>23,249,663,796</b>	<b>108,352,131,824</b>	<b>252,644,111,035</b>	<b>252,644,111,035</b>
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (8)	-	-	-	244,007,923	244,007,923	244,007,923
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh HCM (11)	43,579,370,910	43,579,370,910	1,846,587,534	3,395,554,124	45,128,337,500	45,128,337,500
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (12)	-	-	21,028,744,542	56,180,451,835	35,151,707,293	35,151,707,293
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (9)	51,191,104,629	51,191,104,629	-	48,532,117,942	99,723,222,571	99,723,222,571
<b>Cộng</b>	<b>784,525,942,873</b>	<b>784,525,942,873</b>	<b>720,762,318,726</b>	<b>808,913,343,040</b>	<b>872,676,967,187</b>	<b>872,676,967,187</b>

(1) Khoản vay Công ty Cổ phần Studynet theo Hợp đồng cho vay tiền số 020/HDV-CN/2015/Apax ngày 15/01/2015 với lãi suất 0%, thời hạn vay đến ngày 15/10/2018. Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty Cổ phần Studynet đã dừng hoạt động, do đó Công ty chưa tiến hành tất toán khoản vay này.

(2) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered theo Thư cấp tín dụng (Hạn mức không cam kết) số BFL/112019-780 ngày 07/11/2019, hạn mức tín dụng được chỉ định cho Công ty là 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng), lãi suất biên độ tối thiểu 3%/năm cộng với chi phí vốn của Ngân hàng, thời hạn tối đa mỗi khoản vay là 6 tháng. Mục đích để tài trợ vốn lưu động theo như yêu cầu kinh doanh bình thường của bên Vay (thanh toán lương, mua bán quyền, thiết bị, chi phí hoạt động các dịch vụ liên quan). Tài sản đảm bảo là Hợp đồng cầm cố tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng. Báo lãnh cá nhân của ông Nguyễn Mạnh Phú và bà Nguyễn Thị Hương Liên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất theo*

- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/8674692/HĐTD ngày 15/07/2020. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Hạn mức tín dụng 400.000.000 đồng (bốn trăm tỷ đồng) với lãi suất theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Tài sản đảm bảo là 03 xe ô tô, bất động sản của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax và của các cá nhân: bà Nguyễn Thị Thu Hương, ông Nguyễn Ngọc Thủy, ông Lương Văn Phú và vợ là bà Nguyễn Thị Diệp.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 01/2021/HĐTD ngày 09/08/2021 với Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Hà Nội, thời hạn 11 tháng kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên lãi vay 0%/năm, lãi suất nợ quá hạn 12%/năm, mục đích sử dụng vốn vay là trả lương ngừng việc cho thời gian từ ngày 1/5/2021 đến hết ngày 31/3/2022. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 20/2021/HĐTD.NCoV ngày 14/10/2021 với Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Tân Bình và Quận 3, thời hạn 11 tháng kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên lãi vay 0%/năm, lãi suất nợ quá hạn 12%/năm, mục đích sử dụng vốn vay là trả lương ngừng việc cho thời gian từ ngày 1/5/2021 đến hết ngày 31/3/2022. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (6) Hợp đồng tín dụng số 20/2021/HĐTD.NCoV ngày 14/10/2021 với Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Tân Bình và Quận 3, thời hạn 11 tháng kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên lãi vay 0%/năm, lãi suất nợ quá hạn 12%/năm, mục đích sử dụng vốn vay là trả lương ngừng việc cho thời gian từ ngày 1/5/2021 đến hết ngày 31/3/2022. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (7) Khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Sao Kim theo Phụ lục Hợp đồng số 45/2021/HĐQLVH/SAOKIM-APAX ngày 10/10/2021, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 9,5%/năm, mục đích thanh toán các chi phí, công nợ phát sinh từ hoạt động vận hành hệ thống các trung tâm Anh ngữ, khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (8) Khoản vay Ngân hàng TNHH Standard Chartered theo các Thư cấp tín dụng trung và dài hạn số BFL/11-HN/MT; BFL/12-HN/MT; BFL/13-HN/MT và BFL/14-HN/MT ngày 21/12/2017. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn. Mục đích vay để mua bản quyền, giấy phép, chương trình học từ Công ty Chungdahm Learning Inc. Lãi suất bằng chi phí vốn (%/năm) của ngân hàng trừ biên độ 0%/năm hoặc lãi suất đặc biệt được quy định theo thông báo rút vốn và giấy chứng nhận nợ trong ngày rút vốn. Tài sản thế chấp cho các khoản vay gồm: 04 thửa đất và tài sản trên đất tại thành phố Hà Nội mang tên ông Nguyễn Ngọc Thủy và bà Lê Thị Thanh Hiền.
- (9) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hai hợp đồng:
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2017/8674692/HĐTD ngày 29/09/2017. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày đầu tiên giải ngân. Hạn mức tín dụng là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng) với lãi suất áp dụng là lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần; trong đó, lãi suất từ thời điểm giải ngân đầu tiên đến ngày 31/12/2017 là 10,4%/năm và lãi suất các kỳ tiếp theo được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 24 tháng do BIDV công bố cộng biên độ 3,5%/năm. Mục đích để cho vay, bảo lãnh thanh toán, mở L/C để thanh toán cho các chi phí thực hiện Dự án "Đầu tư mới 50 trung tâm dạy tiếng Anh theo chuẩn của APAX" do Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax làm chủ đầu tư. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án, bất động sản và 25 triệu cổ phần IBC thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Egroup.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất theo*

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2019/8674692/HDTD ngày 30/09/2019, Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày đầu tiên giải ngân. Hạn mức tín dụng là 149.500.000.000 đồng (Một trăm bốn chín tỷ năm trăm triệu đồng) với lãi suất áp dụng là lãi suất cơ bản + lãi suất điều chỉnh 6 tháng/lần; trong đó, lãi suất từ thời điểm giải ngân đầu tiên đến ngày 31/03/2020 là 9,5%/năm và lãi suất các kỳ tiếp theo được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 24 tháng do BIDV công bố cộng biên độ 3,5%/năm. Mục đích để cho vay, bảo lãnh thanh toán, mở L/C để thanh toán các chi phí thực hiện dự án "Đầu tư mới 45 trung tâm dạy tiếng anh theo tiêu chuẩn APAX" do Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax làm chủ đầu tư. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư của dự án 45 trung tâm, thế chấp bộ sung quyền khai thác kinh doanh các trung tâm anh ngữ do BIDV tài trợ vốn, đảm bảo chung bằng 10 triệu cổ phần IBC của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings hiện đang được cầm cố cho dự án 50 trung tâm năm 2017.

(10) Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0412/KHDN/21/CVTL ngày 23/8/2021 kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 0411/KHDN/21 ngày 23/8/2021. Hạn mức tín dụng là 49.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất cho vay theo thỏa thuận giữa khách hàng và ngân hàng tại thời điểm nhận nợ, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn đầu tiên, phương thức cho vay từng lần, mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán chi phí trả trước dài hạn tiền thuê mặt bằng kinh doanh. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng và nhà ở tại số 03 thừa đất và tài sản trên đất tại thành phố Hà Nội mang tên ông Nguyễn Ngọc Thủy và bà Lê Thị Thanh Hiền, quyền sử dụng sản thương mại một phần tầng 1, tầng 2, tầng 3 và tầng KT1 tòa nhà A dự án Việt Đức Complex tại 164 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn giáo dục Egroup, 15.000.000 cổ phần Công ty CP Đầu tư Apax Holdings niêm yết tại HOSE, mã chứng khoán IBC thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn giáo dục Egroup, Tài khoản tiền gửi/sổ tiết kiệm/giấy tờ có giá do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phát hành thuộc sở hữu của khách hàng.

(11) Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0412/KHDN/21/CVTL ngày 23/8/2021 kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 0411/KHDN/21 ngày 23/8/2021. Hạn mức tín dụng là 49.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất cho vay theo thỏa thuận giữa khách hàng và ngân hàng tại thời điểm nhận nợ, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn đầu tiên, phương thức cho vay từng lần, mục đích sử dụng vốn vay là để thanh toán chi phí trả trước dài hạn tiền thuê mặt bằng kinh doanh. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng và nhà ở tại số 03 thừa đất và tài sản trên đất tại thành phố Hà Nội mang tên ông Nguyễn Ngọc Thủy và bà Lê Thị Thanh Hiền, quyền sử dụng sản thương mại một phần tầng 1, tầng 2, tầng 3 và tầng KT1 tòa nhà A dự án Việt Đức Complex tại 164 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn giáo dục Egroup, 15.000.000 cổ phần Công ty CP Đầu tư Apax Holdings niêm yết tại HOSE, mã chứng khoán IBC thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn giáo dục Egroup, Tài khoản tiền gửi/sổ tiết kiệm/giấy tờ có giá do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phát hành thuộc sở hữu của khách hàng.

(12) Khoản vay theo hợp đồng cho vay số 2021/HDTD/VPB-APAX ngày 24/05/2021. Tổng hạn mức vay 229.958.000.000 đồng. Giá trị nhận theo từng kế ước nhận nợ. Kế ước nhận nợ kỳ này là 84 tháng. Từ ngày 28/5/2021 đến 28/05/2028. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 10,1%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong 02 tháng và hết 02 tháng lãi suất được điều chỉnh (+) biên độ 2,5%/năm. Số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2021 là 35.151.707.293 đồng. Tài sản cầm cố bao gồm các hợp đồng sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất theo*

1. Hợp đồng bảo lãnh số 01/HDBL/NGUYENNGOCTHUY ngày 24/05/2021: Bên bảo lãnh là Ông Nguyễn Ngọc Thụy. Bên được bảo lãnh là Công ty CP Đầu tư Apax Holdings;
2. Hợp đồng cầm cố chứng khoán để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 01/HDCCK/VPB-APAX ngày 24/05/2021: Bên cầm cố là Công ty CP Tập đoàn giáo dục Egroup tài sản cầm cố chứng khoán sau đây thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn giáo dục Egroup do Công ty CP Đầu tư Apax Holdings phát hành và toàn bộ cổ tức/lãi, quyền mua chứng khoán và các quyền và lợi ích vật chất khác phát sinh từ số chứng khoán này mã chứng khoán là IBC số lượng cổ phiếu 3.000.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000đ/Cổ phiếu. Bên vay là Công ty CP Đầu tư Apax Holdings. Bên nhận cầm cố Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Tài sản cầm cố đang được niêm yết để giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Tài sản cầm cố được lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và được quản lý bởi Công ty CP Chứng khoán VPS và đã được phong tỏa số lượng chứng khoán tại thời điểm cầm cố;
3. Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HDTQC/VPB-APAX ngày 24/05/2021: Bên thế chấp Công ty CP Đầu tư Apax Holdings và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Tài sản thế chấp Tất cả các quyền tài sản có phát sinh hoặc liên quan đến thỏa thuận hợp tác số 50/2019/TTHHT/AG-APAX ngày 10/06/2019 giữa Công ty CP Terra Gold Việt Nam và Công ty CP Đầu tư Apax Holdings.

(13) Ngày 21/06/2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ lần 1 với giá trị 207 tỷ VND trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và lãi suất phát hành 5%/năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-DHĐCD ngày 09/04/2018. Trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, việc thực hiện quyền chuyển đổi sẽ thuộc về trái chủ. Trái chủ có quyền thực hiện chuyển đổi hoặc không chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ phần hoặc toàn bộ khối lượng trái phiếu đang nắm giữ. Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, Công ty sẽ thực hiện phát hành cổ phần cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành.

Phương thức tính giá chuyển đổi như sau: giá thực hiện chuyển đổi sẽ được xác định theo công thức sau nhưng không cao hơn giá tham khảo và không thấp hơn giá điều chỉnh:

- Giá tham khảo: giá bình quân của: 1 tháng giao dịch + 1 tuần giao dịch (được giao dịch (được xác định trước bằng văn bản) chia cho 3;
- Giá điều chỉnh: 70% của giá tham khảo;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức giá chuyển đổi cụ thể tại thời điểm chuyển đổi theo tiêu chí giá tham khảo và giá điều chỉnh như đã nêu trên.

Do trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi sẽ được sử dụng như sau:

- Giải ngân số tiền 188.785.840.000 đồng để mua 18.878.584 cổ phiếu Apax English, nâng tổng số cổ phiếu Công ty sở hữu tại Apax English lên 42.169.384 cổ phiếu;
- Bổ sung nguồn vốn lưu động cho các hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings số tiền: 18.214.160.000 đồng.

Chi phí phát hành trái phiếu là 2.170.000.000 đồng, chi phí này được phân bổ đều vào chi phí hàng năm với thời hạn 05 năm.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-DHĐCD ngày 09 tháng 04 năm 2018 thông qua phương án Phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2018; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ 1 năm 2019 số 06/09/2019/NQ-DHĐCD ngày 06 tháng 09 năm 2019 thông qua việc thay đổi cách tính giá chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi; Nghị quyết số 210/2019/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc phê duyệt chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ, đã thông qua phương án chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ như sau:

Tổng khối lượng trái phiếu đã chuyển đổi:

103 trái phiếu

Tổng giá trị trái phiếu đã chuyển đổi:

103.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất theo*

Tỷ lệ chuyển đổi:

1: 49.835,54 (Một trái phiếu được chuyển đổi thành 49.835,54 cổ phiếu). Nguyên tác làm tròn số cổ phiếu được chuyển đổi: theo nguyên tắc làm tròn xuống. Cổ phiếu là phát sinh do làm tròn xuống sẽ bị hủy.

Ngày chuyển đổi:

02/10/2019

Ngày chốt danh sách trái chủ để chuyển đổi:

27/09/2019

Ngày chốt danh sách để trả lãi trái phiếu (gần nhất):

11/09/2019

Số lượng cổ phiếu đã được chuyển đổi:

5.133.059 cổ phiếu

Chuyển đổi 103 trái phiếu (giá trị trái phiếu là 103 tỷ đồng) thành 5.133.059 cổ phiếu với giá chuyển đổi 20.066 đồng. Tại ngày 11/10/2019, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ thành cổ phiếu theo văn bản số 6152/UBCK-QLCB.

Theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 1908/2021/NQ-HDQT ngày 19/08/2021, Công ty tiếp tục chuyển đổi trái phiếu như sau:

Tổng khối lượng trái phiếu đã chuyển đổi:

31 trái phiếu

Tổng giá trị trái phiếu đã chuyển đổi:

31.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

Tỷ lệ chuyển đổi:

1: 50.352,47 (Một trái phiếu được chuyển đổi thành 50.352,47 cổ phiếu). Nguyên tác làm tròn số cổ phiếu được chuyển đổi: theo nguyên tắc làm tròn xuống. Cổ phiếu là phát sinh do làm tròn xuống sẽ bị hủy.

Ngày chuyển đổi:

19/08/2021

Ngày chốt danh sách trái chủ để chuyển đổi:

17/08/2021

Ngày chốt danh sách để trả lãi trái phiếu (gần nhất):

11/06/2021

Số lượng cổ phiếu đã được chuyển đổi:

1.560.926 cổ phiếu

**19.2 Trái phiếu phát hành**

*Trái phiếu thường*

	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
	9/30/2022			1/1/2022		
- Loại phát hành theo mệnh giá						
+ <i>Mã Trái phiếu: AECH2123001 (i)</i>	198.907.917.808	12%/ năm	24 tháng	198.907.917.808	12%/ năm	24 tháng
+ <i>Mã trái phiếu: AECH2124002 (ii)</i>	298.412.054.795	12,5%/ năm	36 tháng	298.412.054.795	12,5%/ năm	36 tháng
+ <i>Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (iii)</i>	300.000.000.000	12,5%/ năm	36 tháng	300.000.000.000	12,5%/ năm	36 tháng
+ <i>Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (iv)</i>	333.597.669.182	12,5%/ năm	36 tháng	332.311.641.395	12,5%/ năm	36 tháng
<b>Cộng</b>	<b>1.130.917.641.785</b>			<b>1.129.631.613.998</b>		

(i) Phát hành trái phiếu Mệnh giá 200.000.000.000 đồng theo Nghị quyết số 1201/2021/NQ-HDQT ngày 12/01/2021 về việc Thông qua phương án phát hành trái phiếu Apex English năm 2021, chi tiết như sau:

- Mục đích phát hành: bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất theo*

Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo là quyền sử dụng sân thương mại tầng 1,2,3 và tầng KT1 Toà A của dự án Việt Đức Complex tại 164 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội với tổng diện tích 3.403 m<sup>2</sup> và 15 triệu cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Apax Holdings (HOSE: IBC) do Công ty CP Tập đoàn giáo dục Egroup sở hữu.

Mã trái phiếu: AECH2123001

Đồng tiền phát hành và thanh toán: đồng Việt Nam (VND)

Hình thức: Trái phiếu phát hành dưới hình thức bút toán ghi số

Mệnh giá: 100.000 VND/ trái phiếu

Giá trị phát hành: 200.000.000 VND

Khối lượng trái phiếu phát hành: 2.000.000 trái phiếu (theo mệnh giá)

Ngày phát hành: 23/01/2021

Kỳ hạn trái phiếu: 24 tháng kể từ ngày phát hành

Lãi suất trái phiếu: lãi suất cố định 12%/ năm, trả lãi định kỳ mỗi 3 tháng/ lần kể từ ngày phát hành

(ii) Phát hành trái phiếu Mệnh giá 300.000.000.000 đồng theo Nghị quyết số 1608/2021/NQ-HDQT ngày 16/08/2021 về việc Thông qua phương án phát hành trái phiếu Apax English đợt 2 năm 2021, chi tiết như sau:

- Mục đích phát hành: bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh

Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo là 13.000.000 cổ phần đang lưu hành của Công ty CP Phát triển giáo dục Igateam, trong đó 11.490.000.000 cổ phần thuộc sở hữu của Công ty CP Đầu tư Apax Holdings và 1.510.000 cổ phần thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Mạnh Phú.

Mã trái phiếu: AECH2124002

Đồng tiền phát hành và thanh toán: đồng Việt Nam (VND)

Hình thức: Trái phiếu phát hành dưới hình thức bút toán ghi số

Mệnh giá: 10.000.000 VND/ trái phiếu

Giá trị phát hành: 300.000.000 VND

Khối lượng trái phiếu phát hành: 300.000 trái phiếu (theo mệnh giá)

Ngày phát hành: 24/08/2021

Kỳ hạn trái phiếu: 36 tháng kể từ ngày phát hành

Lãi suất trái phiếu: lãi suất cố định 12,5%/ năm, trả lãi định kỳ mỗi 3 tháng/ lần kể từ ngày phát hành

(iii) Theo Biên bản họp HĐQT số 1409/2020/BB-HDQT ngày 14/09/2020, Nghị quyết hội đồng quản trị số 1709/2020/NQ-HDQT ngày 17/09/2020 phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, Tổng giá trị trái phiếu phát hành 300 trái phiếu; Ngày phát hành ngày 01/10/2020 và ngày kết thúc đợt phát hành ngày 21/12/2020. Đây là loại trái phiếu kỳ hạn 3 năm, trả lãi 6 tháng/lần với lãi suất cố định 12,5%/năm. Theo quy định, trái chủ được quyền yêu cầu Apax Holdings mua lại tối đa 50% trái phiếu sau 12 tháng và 100% sau 24 tháng kể từ ngày phát hành. Khi đó, trái phiếu sẽ được hưởng lãi suất cố định tương ứng là 10,5%/năm và 11,5%/năm. Ngược lại, trong điều kiện Apax Holdings có nhu cầu mua lại trái phiếu trước hạn kể từ 24 tháng đến dưới 36 tháng thì lãi suất sẽ là 12,5% với tối đa 100% tổng số lượng trái phiếu mà trái chủ sở hữu tại thời điểm đề nghị mua lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất theo*

- Lãi suất danh nghĩa và kỳ hạn trả lãi;
- + Lãi suất danh nghĩa bằng VND: Trái phiếu có lãi suất cố định
- + Kỳ hạn trả lãi: Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, định kỳ 6 tháng một lần.

Mỗi trái phiếu sẽ được tính lãi kể từ và bao gồm ngày phát hành hoặc ngày tổ chức phát hành thực tế nhận số tiền đặt mua đối với trái phiếu đó, tùy ngày nào đến sau cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán/hoàn trả gốc trái phiếu.

- Lãi suất phát hành thực tế: Trái phiếu có lãi cố định 12,5%/năm.
- Hình thức đảm bảo khoản vay:

Đại lý quản lý tài sản đảm bảo: Công ty CP Chứng khoán An Bình.

- Hình Thức đảm bảo: Trái phiếu được đảm bảo bằng tài sản.

- Tài sản bảo đảm: Nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi Trái phiếu, lãi chậm trả Trái phiếu và các nghĩa vụ thanh toán khác của tổ chức phát hành đối với và liên quan đến trái phiếu được đảm bảo bằng tài sản tương ứng với 125% Tổng giá trị Trái phiếu lưu hành theo mệnh giá. Từ ngày phát hành cho đến ngày báo cáo kết quả phát hành, tài sản bảo đảm là 7.500.000 cổ phần Công ty CP Anh ngữ Apax thuộc sở hữu của Tổ chức phát hành và các quyền, lợi ích phát sinh từ/có liên quan đến số cổ phiếu này kể từ ngày thế chấp. Số lượng cổ phần thế chấp ban đầu có thể được điều chỉnh tùy nhiên phải đảm bảo tổng giá trị cổ phần thế chấp ban đầu sau khi kết thúc đợt phát hành không thấp hơn 125% Tổng giá trị Trái phiếu lưu hành theo mệnh giá.

(iv) Trái phiếu phát hành theo 2 đợt:

Trái phiếu phát hành đợt 1 với mệnh giá 500.000.000 đồng/trái phiếu, số lượng trái phiếu phát hành là 270 trái phiếu, lãi suất 12,5%/năm, kỳ hạn 3 năm từ ngày 31/12/2020 đến ngày 31/12/2023. Trái phiếu được bảo đảm bằng tài sản là 4.800.000 cổ phần của Công ty CP Anh ngữ Apax thuộc sở hữu của ông Nguyễn Ngọc Thủy và các quyền, lợi ích từ/có liên quan đến số cổ phiếu này kể từ ngày thế chấp, tương ứng 240 tỷ đồng (theo Báo cáo định giá ngày 28/12/2019 do Công ty TNHH PwC Việt Nam phát hành).

Trái phiếu phát hành đợt 2 với mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu, số lượng trái phiếu phát hành là 20.000 trái phiếu, lãi suất 12,5%/năm, kỳ hạn 3 năm từ ngày 08/06/2021 đến ngày 08/06/2024. Trái phiếu được bảo đảm bằng tài sản là 4.800.000 cổ phần của Công ty CP Anh ngữ Apax thuộc sở hữu của ông Nguyễn Ngọc Thủy và các quyền, lợi ích từ/có liên quan đến số cổ phiếu này kể từ ngày thế chấp, tương ứng 250 tỷ đồng (theo Báo cáo định giá ngày 04/06/2021 do Công ty CP Thẩm định và Đầu tư tài chính Hoa Sen ban hành)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,

Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất theo

**22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
<i>a) Doanh thu</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	1,050,462,990	1,060,454,440
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,331,197,846,445	1,703,553,229,206
Doanh thu bán phần mềm	-	20,400,000,000
Doanh thu chương trình giảng dạy đã bán	-	-
Doanh thu khác	3,726,631,480	8,822,645,454
<b>Cộng</b>	<b>1,335,974,940,915</b>	<b>1,733,836,329,100</b>

*b) Doanh thu đối với các bên liên quan:* Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Giá vốn bán hàng hóa	-	923,879,854
Giá vốn cung cấp dịch vụ	706,240,608,879	1,253,530,677,575
Giá vốn bán phần mềm	221,612,994,305	472,943,166
Giá vốn chương trình giảng dạy đã bán	-	984,576,732
Giá vốn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>927,853,603,184</b>	<b>1,255,912,077,327</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	52,624,406,884	33,331,563,558
Lãi khoản đặt cọc cho ông Nguyễn Ngọc Thủy	-	13,335,821,653
Lãi bán các khoản đầu tư	-	272,760,000,000
Lãi chuyển nhượng quyền mua cổ phần	39,300,000,000	-
Doanh thu từ bán quyền mua cổ phần	15,120,000,000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	853,207,978	276,289,858
<b>Cộng</b>	<b>107,897,614,862</b>	<b>319,703,675,069</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Chi phí lãi vay	85,583,522,739	153,805,102,558
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7,220,063	153,875,000
Lãi trái phiếu phát hành	113,633,217,542	-
Chi phí phát hành trái phiếu	2,880,481,120	2,870,603,531
Chi phí tài chính khác	1,649,892,374	1,454,767,495
<b>Cộng</b>	<b>203,754,333,838</b>	<b>158,284,348,584</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,  
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất theo*

**26. THU NHẬP KHÁC**

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Xử lý công nợ bán sách	32,474,925	-
Thu về hợp tác bán sách	-	558,638,415
Xuất phần bản quyền sách	-	480,216,671
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	350,000,000	620,706,941
Thu nhập từ hợp tác kinh doanh	-	-
Thu nhập khác	3,964,059,082	455,668,849
<b>Cộng</b>	<b>4,346,534,007</b>	<b>2,115,230,876</b>

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Tiền phạt thuế và lãi chậm nộp bảo hiểm	12,539,692,985	6,291,875,385
Lãi ước tính chậm nộp thuế	7,255,286,930	5,200,325,860
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	6,861,125,514	-
Khoản tiền đặt cọc không thu hồi được	-	742,121,000
Chi phí khác	5,519,372,056	2,848,707,773
<b>Cộng</b>	<b>32,175,477,485</b>	<b>15,083,030,018</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,  
Số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất theo

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>161,077,570,709</b>	<b>310,688,405,462</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	139,982,614,741	229,106,839,708
Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	4,045,000,000	61,290,323
Chi phí dụng cụ đồ dùng	-	12,519,042,944
Chi phí khấu hao TSCĐ	155,013,588	158,149,872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13,940,318,737	60,412,319,896
Chi phí bằng tiền khác	2,954,623,643	8,430,762,719
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>199,961,357,215</b>	<b>165,142,078,045</b>
Chi phí nhân viên quản lý	65,866,952,406	76,397,746,346
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	983,094,764	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	41,359,247,494	3,822,899,699
Chi phí khấu hao TSCĐ	3,976,852,673	3,248,132,515
Thuế, phí, lệ phí	472,687,887	287,917,854
Chi phí dự phòng	541,782,753	3,965,999,944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27,588,849,827	17,945,994,559
- Hoàn nhập/ Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-
Lợi thế thương mại phân bổ	57,440,016,442	57,440,016,442
Chi phí bằng tiền khác	1,731,872,969	2,033,370,686
<b>c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Hoàn nhập chi phí trích trước	-	-
<b>Cộng</b>	<b>361,038,927,924</b>	<b>475,830,483,507</b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	NĂM NAY VND	NĂM TRƯỚC VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường năm hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập năm chịu thuế hiện hành	4,788,344,525	50,885,904,062
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4,788,344,525</b>	<b>50,885,904,062</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Điều hành Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**a) Danh sách các bên liên quan:**

**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Tập đoàn giáo dục Egroup  
Chungdahm Learning, Inc  
Công ty Cổ phần Thiết bị giáo dục Eschool  
Công ty Cổ phần Studynet  
Công ty Cổ phần Soya Garden  
Công ty cổ phần Anh Ngữ Apax Academy  
Công ty CP Tập đoàn đầu tư Ecapital  
Công ty CP Tập đoàn hạ tầng giáo dục

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ sở hữu 59,76% vốn điều lệ  
Cổ đông lớn của Công ty con  
Công ty con của Công ty mẹ  
Công ty liên kết  
Công ty con của Công ty mẹ  
Công ty liên kết của Công ty cùng tập đoàn  
Công ty liên quan  
Công ty liên kết (Đổi tên từ Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng giáo dục ngày 12/01/2022)

Ông Nguyễn Ngọc Thủy  
Bà Vũ Cẩm La Hương

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc (Từ nhiệm Tổng giám đốc từ 01/03/2021, thành viên HĐQT từ ngày 08/04/2021)  
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Mạnh Phú

**b) Thu nhập Ban Điều hành**

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Travis Richard Stewart	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/03/2021)	-	-
Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 01/03/2021)	268,298,462	-
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Phó Tổng giám đốc (Từ nhiệm ngày 31/12/2021)	625,484,444	-
Nguyễn Hoàng Lương	Giám đốc tài chính (Bổ nhiệm ngày 04/10/2021)	515,129,000	-
Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng	-	-
<b>Cộng</b>		<b>1,408,911,906</b>	<b>-</b>

**Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị**

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch	-
Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên	-
Quách Mạnh Hào	Thành viên	-
Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập	-
Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập	-
Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập	-
<b>Cộng</b>		<b>-</b>

**Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát**

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>
Phạm Thị Thanh Thợ	Trưởng BKS	-
Nguyễn Thị Thanh Khuyên	Thành viên BKS	-
Phạm Thị Diệp	Thành viên BKS	-
<b>Cộng</b>		<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**32. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính HỢP NHẤT tự lập Quý 4 năm 2021 và báo cáo tài chính HỢP NHẤT đã được kiểm toán năm 2021.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

**Người lập biểu**



**Nguyễn Thị Hải**

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Mạnh Phú**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**Nguyễn Ngọc Thủy**